

## MỨC ĐỘ AM HIỂU VÀ QUAN ĐIỂM VỀ CÁC CHỈ SỐ HỌC THUẬT CỦA GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

• Võ Văn Mấy Năm<sup>(\*)</sup>, Lê Thị Xuân An<sup>(\*)</sup>,  
Nguyễn Đăng Khoa<sup>(\*)</sup>, Lê Trọng Hiếu<sup>(\*)</sup>

### Tóm tắt

*Nghiên cứu thực hiện khảo sát trực tuyến với 153 giảng viên và nghiên cứu viên ở các lĩnh vực chuyên môn, trình độ và thời gian công tác khác nhau nhằm tìm hiểu mức độ am hiểu và quan điểm về các chỉ số học thuật tại Trường Đại học Cần Thơ. Kết quả chỉ ra rằng hầu hết các nhà nghiên cứu đều hiểu cách sử dụng các chỉ số học thuật trong các hoạt động nghiên cứu khoa học, và phần lớn người tham gia khảo sát đồng ý rằng Trường Đại học Cần Thơ nên theo dõi các chỉ số học thuật của cán bộ. Tuy nhiên, mức độ hiểu biết về các chỉ số học thuật của người trả lời không đồng đều. Nghiên cứu cũng phát triển các khuyến nghị để góp phần giải quyết những tồn tại trên.*

*Từ khóa: Đại học Cần Thơ, giảng viên, nghiên cứu viên, chỉ số học thuật.*

### 1. Đặt vấn đề

Chỉ số học thuật (scholarly metric) là thuật ngữ không còn xa lạ đối với cộng đồng nghiên cứu trong và ngoài nước. Nó trở thành công cụ đắc lực trong việc đánh giá tầm ảnh hưởng cũng như uy tín của các tạp chí khoa học, các tổ chức giáo dục, các công trình nghiên cứu và cá nhân tác giả thông qua các bộ chỉ số. Mỗi chỉ số có phương thức đánh giá nhằm phục vụ các mục đích khác nhau và đề ra các chỉ số lý tưởng cho từng loại hình, lĩnh vực nghiên cứu. Hiện nay, trên thế giới có rất nhiều công trình nghiên cứu về những ích lợi mà các chỉ số học thuật mang lại và đề ra hướng giải quyết những hạn chế còn tồn tại bằng việc phân tích cụ thể từng chỉ số, đề xuất các chỉ số mới, hoặc sử dụng công cụ đo lường và tiêu chí khác. Tuy nhiên, đề tài nghiên cứu về mức độ nhận thức, thói quen sử dụng và quan điểm của cán bộ nghiên cứu, giảng dạy về các chỉ số học thuật còn rất hạn chế.

Nghiên cứu tại Trường Đại học Vermont, Hoa Kỳ, hai tác giả Dan DeSanto và Aaron Nichols [1] đã tiến hành phân tích khía cạnh tiếp cận của giảng viên về các chỉ số học thuật (ngoại trừ nghiên cứu viên, xuất bản) để hiểu rõ quan điểm, suy nghĩ của cộng đồng nghiên cứu về các chỉ số học thuật bằng các câu hỏi định hướng nghiên cứu như mức độ quen thuộc, khi nào và tại sao cần các chỉ số, vai trò của các chỉ số trong công tác nghiên cứu và xuất bản. Nghiên cứu chỉ ra rằng mỗi lĩnh vực khoa học có mức độ quan tâm, hiểu biết và quan

điểm khác nhau về các chỉ số đánh giá học thuật. Bên cạnh đó, nghiên cứu khẳng định cần phải hiểu rõ trình độ cán bộ, quan điểm, nhận thức mức độ quan trọng và sử dụng các chỉ số học thuật trước khi khuyến khích họ tham gia thảo luận sâu hơn việc đo lường tác động của công trình nghiên cứu.

Mindy Thuna và Pam King [3] đã tiến hành phỏng vấn 79 cán bộ nghiên cứu có thâm niên hơn 05 năm về việc hiểu và sử dụng các chỉ số tác động như thế nào trong sự nghiệp học thuật và phát hiện rằng cần xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa cán bộ thư viện và cán bộ nghiên cứu bằng những ví dụ thực tiễn nhất về việc sử dụng các chỉ số học thuật để phát huy vai trò của thư viện trong việc cung cấp nhiều thông tin hơn liên quan đến các chỉ số (theo nhìn nhận của phần lớn cán bộ được phỏng vấn).

Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) với định hướng chiến lược phát triển trở thành trường đại học nghiên cứu, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển của vùng và cả nước. Vì thế, Trường ĐHCT đặc biệt quan tâm và đầu tư mạnh cho hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH). Bảng 1 cho thấy tuy số lượng đề tài, dự án không chênh lệch nhiều trong giai đoạn 2013-2018 theo xu hướng chung của các cơ sở giáo dục đại học nhưng số lượng xuất bản phẩm quốc tế tăng mạnh mỗi năm trong suốt giai đoạn, số lượng năm 2018 (395) đã tăng xấp xỉ 5 lần năm 2013 (80). Bên cạnh đó, theo số liệu thống kê của Web of Science, Trường ĐHCT có tổng số 728 công bố trên các tạp chí thuộc danh mục ISI từ năm 2000 đến tháng 8 năm 2017, và trong năm 2018 có 114 công bố [6].

<sup>(\*)</sup> Trường Đại học Cần Thơ.

Song, vẫn chưa có sự tập trung cao độ về việc xuất bản các công trình lên cùng cơ sở dữ liệu hay thống nhất cách ghi chú thông tin cơ quan chủ quản để hệ thống dễ ghi nhận, thống kê và xếp hạng.

**Bảng 1. Thống kê số lượng đề tài, dự án so với số lượng xuất bản phẩm quốc tế của Trường ĐHTC giai đoạn 2013-2018**

	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Số lượng đề tài, dự án	241	271	259	273	297	256
Số lượng xuất bản phẩm quốc tế	80	129	171	275	319	395

Nguồn: Báo cáo thường niên Trường ĐHTC 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018.

Bài báo nhằm trình bày mức độ am hiểu, quan điểm và đề xuất các giải pháp nhằm phổ biến và thúc đẩy nhanh quá trình nhận thức về các chỉ số học thuật của cộng đồng nghiên cứu Trường ĐHTC. Việc am hiểu cũng như sử dụng thành thục các công cụ và chỉ số tác động sẽ góp phần khẳng định vị thế của trường trong hoạt động nghiên cứu, góp phần hoàn thành nhiệm vụ và sứ mạng của nhà trường với bề dày lịch sử và các công trình nghiên cứu có giá trị.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp điều tra bằng hỏi trực tuyến được sử dụng để thu thập dữ liệu sơ cấp liên quan đến mức độ am hiểu của giảng viên, nghiên cứu viên (nhà nghiên cứu) Trường ĐHTC. Tổng số mẫu khảo sát là 153 nhà nghiên cứu thuộc 24 đơn vị trực thuộc Trường, trong đó có 18 đơn vị có chức năng giảng dạy và nghiên cứu, theo cách lấy mẫu phân bố dựa trên số lượng giảng viên từng đơn vị, cũng như số lượng giảng viên đã và đang thực hiện đề tài NCKH các cấp. Thang đo được sử dụng trong các câu hỏi là thang Likert 5 mức độ, ngoài ra còn sử dụng câu hỏi mở nhằm thu thập nhiều hơn ý kiến phản hồi. Dữ liệu khảo sát được xử lý và thể hiện dưới dạng thống kê mô tả bằng phần mềm Microsoft Excel.

Các đối tượng khảo sát có đặc điểm như sau:

Về giới tính, nam chiếm 69,9%; nữ chiếm 30,1%. Về thời gian công tác, các giảng viên được khảo sát có thời gian công tác trên 20 năm chiếm 15%; từ 11 đến 20 năm chiếm 56,2%; dưới 10 năm chiếm 28,8%.

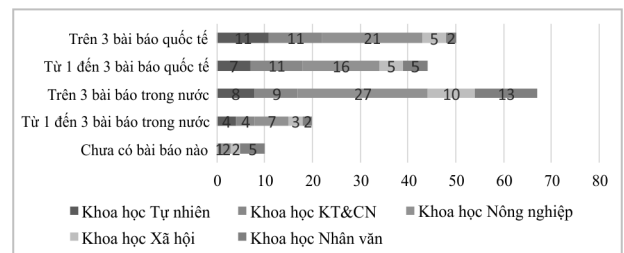
Về lĩnh vực chuyên môn, các nhà nghiên cứu thuộc 05 lĩnh vực: Khoa học tự nhiên 13,1%; Khoa học kỹ thuật và công nghệ 15%; Khoa học nông nghiệp 43,8%; Khoa học xã hội 17% và Khoa học nhân văn 11,1%.

So với số lượng đề tài nghiên cứu, số lượng mẫu từ các lĩnh vực tương đối phù hợp: Khoa học tự nhiên 21,3%; Khoa học kỹ thuật và công nghệ 9%; Khoa học nông nghiệp 49,7%; Khoa học xã hội 13% và Khoa học nhân văn 7%.

Về trình độ chuyên môn, hầu hết có trình độ từ thạc sĩ trở lên (97,4%); cụ thể như sau: đại học 2,6%; thạc sĩ 38,6%; tiến sĩ 58,8%.

Về chức danh: giảng viên 89,4%, trong đó có 9,8% học hàm phó giáo sư và 0,7% học hàm giáo sư; nghiên cứu viên 10,6%.

Về số lượng xuất bản phẩm:



**Hình 1. Tần suất xuất bản phẩm của người trả lời trong khảo sát**

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2018.

## 3. Nội dung

### 3.1. Mức độ am hiểu về các chỉ số học thuật

#### 3.1.1. Chất lượng của tạp chí, bài báo, công trình NCKH thông qua chỉ số học thuật

Theo tác giả Tạ Cao Minh giá trị của một công trình nghiên cứu được thể hiện khi kết quả được viết thành bài báo đăng trên các tạp chí học thuật, hoặc các bài báo cáo tại các hội nghị được đăng thành kỷ yếu. Các tạp chí và kỷ yếu này được Viện Thông tin Khoa học ISI công nhận [4]. Kết quả khảo sát (bảng 2) cho thấy chất lượng của tạp chí, bài báo, công trình NCKH được đánh giá thông qua lượt tải, lượt xem (1) so với các chỉ số học thuật (2) là tương đồng. Tuy nhiên, các đáp viên có khuynh hướng đánh giá chất lượng của tạp chí, bài báo, công trình

NCKH qua chỉ số học thuật thường xuyên hơn là đánh giá qua lượt tải, lượt xem; trong đó mức độ “rất thường xuyên” có sự chênh lệch lớn (25,5% và 13,1%).

**Bảng 2. Mức độ đánh giá chất lượng của tạp chí, bài báo, công trình NCKH được đánh giá qua lượt tải, lượt xem (1) so với các chỉ số học thuật (2)**

	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Không thường xuyên	Rất ít khi	Chưa bao giờ
(1)	13,1%	48,4%	26,1%	7,8%	4,6%
(2)	25,5%	49,7%	17,6%	3,9%	3,3%

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2018 (N=153).

Bên cạnh chỉ số học thuật, người trả lời còn đưa ra nhiều tiêu chí đánh giá chất lượng khác: uy tín và chất lượng của tạp chí bao gồm nhiều yếu tố khác như ngôn ngữ, số lượng xuất bản trong năm, phương thức phân biện; cơ quan chủ quản/ hội đồng nghiệm thu/ hội đồng phân biện; nội dung, phương pháp nghiên cứu và kết quả đạt được của nghiên cứu. Đáng chú ý là có một số nhà nghiên cứu hoàn toàn dựa vào cảm tính, kinh nghiệm, sự hiểu biết của bản thân hoặc ý kiến của đồng nghiệp để đánh giá chất lượng của tạp chí, bài báo, công trình NCKH.

### 3.1.2. Uy tín của tác giả thông qua chỉ số học thuật

Theo bảng 3, mặc dù uy tín của tác giả được đánh giá qua lượt tải, lượt xem (1) so với việc đánh giá qua chỉ số học thuật (2) không có sự khác biệt lớn; nhưng uy tín của tác giả được đánh giá qua chỉ số học thuật có phần trội hơn so với thông qua lượt tải, lượt xem (lần lượt là 20,3% và 15,7% ở nhóm rất thường xuyên; 46,4% và 41,2% ở nhóm thường xuyên).

**Bảng 3. Mức độ đánh giá uy tín của tác giả thông qua lượt tải, lượt xem (1) so với các chỉ số học thuật (2)**

	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Không thường xuyên	Rất ít khi	Chưa bao giờ
(1)	15,7%	41,2%	31,4%	7,8%	3,9%
(2)	20,3%	46,4%	24,2%	6,5%	2,6%

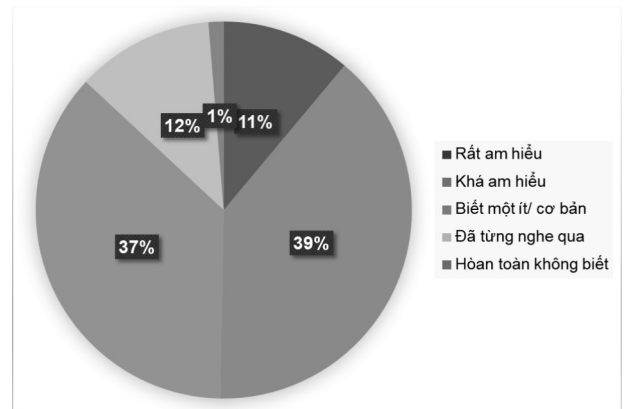
Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2018 (N=153).

Khảo sát cũng chỉ ra rằng, có đến 14,8% người tham gia khảo sát trả lời rằng họ cũng rất quan

tâm đến uy tín của các nhóm tác giả khi đánh giá chất lượng bài báo, công trình NCKH: “Mức độ uy tín của nhóm tác giả; Thành phần các tác giả trong nhóm phù hợp thể nào với nội dung của bài viết” - N65.

Như vậy, các nhà nghiên cứu có mức độ quan tâm đến uy tín của tác giả và chất lượng của tạp chí, bài báo, công trình NCKH cũng như chỉ số học thuật và lượt tải, lượt xem tương đối đồng đều. Tuy nhiên, có 10,5% người trả lời rất quan tâm đến chỉ số học thuật nhưng rất ít quan tâm đến các phương tiện đánh giá tác động như lượt tải, lượt xem; ngược lại có 5,2% trong số 153 nhà nghiên cứu đặc biệt quan tâm đến lượt tải, lượt xem mà không chú ý đến chỉ số học thuật của tạp chí, bài báo, công trình NCKH và tác giả.

### 3.1.3. Mức độ am hiểu của nhà nghiên cứu về các chỉ số học thuật (Journal Impact Factor, Article Citation Index, Hirsch Index)



**Hình 2. Mức độ am hiểu của giảng viên về các chỉ số học thuật (Journal Impact Factor, Article Citation Index, Hirsch Index)**

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2018 (N=153).

Các chỉ số tác động học thuật (bao gồm chỉ số trích dẫn, hệ số tác động, chỉ số Hirsch) đã và đang được các cơ quan quản lý khoa học, kể cả đại học và cơ quan tài trợ khoa học sử dụng để đánh giá thành tựu của một nhà khoa học hay một công trình nghiên cứu [5]. Đây là cách ghi nhận của cộng đồng khoa học hàng thập kỷ qua và xu thế đánh giá này vẫn đang được sử dụng.

Trong khảo sát này, người trả lời tự đánh giá mức độ am hiểu của mình về các chỉ số học thuật lần lượt: nhóm am hiểu chiếm 50% (rất am hiểu chiếm 11%; khá am hiểu chiếm 39%); nhóm biết

một ít/ cơ bản vẫn còn chiếm tỉ lệ cao 37%; đã từng nghe qua chiếm 12% và 1% hoàn toàn không biết.

### 3.2. Quan điểm về chỉ số học thuật

#### 3.2.1. Chỉ số học thuật trong việc ra quyết định bổ nhiệm vị trí công tác

Kết quả khảo sát cho thấy không có nhà nghiên cứu (0%) đồng ý với quan điểm rất ưu tiên trong việc đơn vị công tác sử dụng chỉ số học thuật để ra quyết định bổ nhiệm vị trí công tác; trong khi đó quan điểm ưu tiên chiếm 7,8%; 48,4% không ý kiến, 18,3% ít ưu tiên và 25,5% không ưu tiên. Nhìn chung khảo sát phản ánh đúng với thực tế quy trình bổ nhiệm vị trí công tác tại Trường ĐHTC hiện tại, không có tiêu chuẩn cụ thể về chỉ số học thuật trong yêu cầu bổ nhiệm, cũng như thể hiện trong các thông tin tham khảo.

Tuy nhiên, khi khảo sát về việc cần thiết xem xét các chỉ số học thuật trong việc ra quyết định bổ nhiệm vị trí công tác thì quan điểm của các nhà nghiên cứu được chia thành các nhóm có tỉ lệ như sau: nhóm cho rằng cần thiết chiếm 66,1% (trong đó: 9,2% cho rằng rất cần thiết); nhóm cho rằng ít cần thiết 27,5% và 6,5% không cần thiết. Bên cạnh đó, đối với câu hỏi mở để tìm hiểu lý do, người trả lời đưa ra hai quan điểm trái chiều gồm:

- Nhóm thứ nhất cho rằng chỉ số học thuật gắn liền với chất lượng chuyên môn người nghiên cứu (15%); thể hiện được năng lực NCKH của cán bộ (18,3%) và đây là tiêu chí rất quan trọng để thể hiện uy tín quốc tế (3,9%). Nên cần thiết trong việc xem xét đến chỉ số học thuật khi ra quyết định bổ nhiệm vị trí công tác.

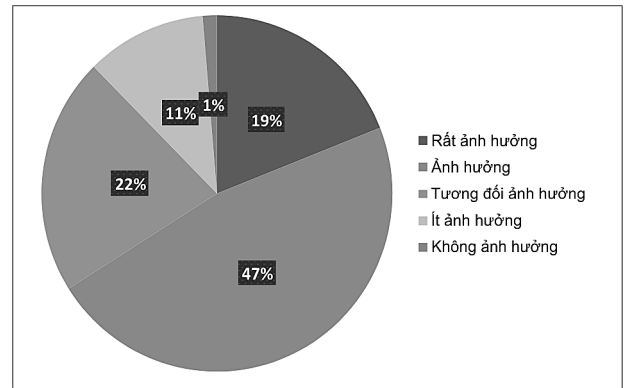
- Nhóm thứ hai cho rằng vị trí công tác cần năng lực quản lý nhiều hơn (7,2%); cần nhiều yếu tố khác (7,8%) và tùy vào vị trí bổ nhiệm (11,8%). Vì vậy không cần thiết đưa chỉ số học thuật vào tiêu chí xem xét bổ nhiệm vị trí công tác.

#### 3.2.2. Chỉ số học thuật đối với sự phát triển chuyên môn

Với hơn 12.500 tạp chí trên toàn thế giới (đã và đang được Scopus đánh giá mức độ uy tín và hệ số tác động), các nhà khoa học dễ dàng lựa chọn hình thức và tạp chí để xuất bản phù hợp với mục tiêu và điều kiện của mình. Tuy nhiên với xu hướng phát triển học thuật toàn cầu hiện nay, việc đánh

giá uy tín, cũng như mức độ ảnh hưởng của một cá nhân trong lĩnh vực cụ thể không còn là số lượng bài viết được xuất bản, mà là giá trị thực của bài viết thông qua các hệ số học thuật.

Theo số liệu khảo sát được thể hiện trong hình 3, có đến 66% nhà nghiên cứu đồng ý chỉ số học thuật có ảnh hưởng, thậm chí rất ảnh hưởng đến sự phát triển chuyên môn, cụ thể là nhà nghiên cứu cho rằng chỉ số học thuật rất ảnh hưởng đến sự phát triển chuyên môn chiếm 19%, ảnh hưởng chiếm 47% và tương đối ảnh hưởng 22%.



**Hình 3. Quan điểm về mức độ ảnh hưởng của chỉ số học thuật đối với sự phát triển chuyên môn**

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2018 (N=153)

Trong khi đó, đối với câu hỏi mở để tìm hiểu suy nghĩ của nhà khoa học về việc nhà trường theo dõi các chỉ số học thuật của giảng viên, nghiên cứu viên; chỉ có 2,3% người đưa ra câu trả lời là không đồng ý, còn lại (97,7%) người trả lời đồng ý, cần thiết hoặc tán thành với các ý kiến đóng góp như:

“Nên theo dõi nhưng phải có chế độ chính sách khuyến khích hỗ trợ thỏa đáng” - N151.

“Cần thiết để có thêm cơ sở đánh giá khả năng, thành tích nghiên cứu của cán bộ, từ đó có chế độ khen thưởng, khuyến khích kịp thời” - N109.

“Cần thiết nhưng chỉ nên để định hướng và hỗ trợ hơn thuần túy giám sát” - N146.

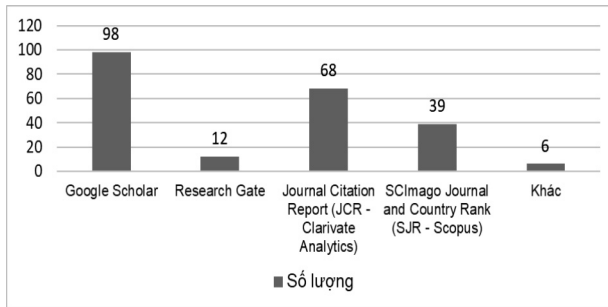
“Rất hoan nghênh việc theo dõi chỉ số học thuật: tuy nhiên việc làm này phải đi đôi với việc hỗ trợ, tạo điều kiện cho cán bộ trong các hoạt động học thuật, ví dụ: hỗ trợ dịch vụ chỉnh sửa tiếng Anh, tập huấn phương pháp NCKH và đầu tư nguồn học thuật tham khảo đa dạng” - N116.

“Việc này cần thiết nhằm tìm ra những thầy

cô có khả năng phát huy thế mạnh nghiên cứu và xuất bản tạp chí quốc tế để có thể tập trung đầu tư và cải thiện vị trí của trường” - N89.

3.2.3. Kỹ thuật thao tác với chỉ số học thuật

Về sử dụng những nguồn tin để tìm kiếm thông tin chỉ số học thuật, 153 phản hồi đều đưa ra những nguồn tin mà nhà nghiên cứu thường sử dụng với tần suất như sau:

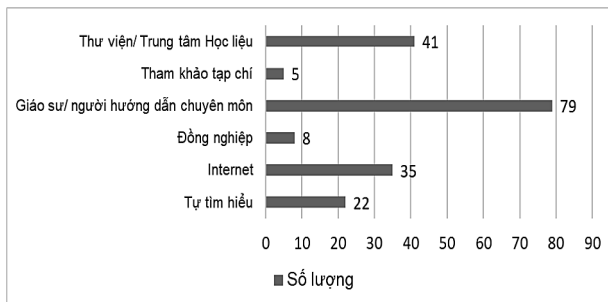


Hình 4. Tần suất sử dụng các nguồn tin để tìm kiếm chỉ số học thuật

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2018.

Trong đó, 56,9% nhà nghiên cứu trong khảo sát có sử dụng công cụ, phương tiện để theo dõi các chỉ số học thuật cho các công trình nghiên cứu của bản thân, bao gồm: Google Scholar Citations (72), ResearchGate (19), Publish or Perish (7), Impact Story (20) và 09 nhà nghiên cứu lựa chọn công cụ khác.

Khi cần tìm hiểu thông tin về các chỉ số học thuật, phần lớn nhà nghiên cứu lựa chọn giáo sư/người hướng dẫn chuyên môn để hỗ trợ (hình 5).



Hình 5. Tần suất sử dụng các nguồn tin để tìm kiếm chỉ số học thuật

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2018.

3.2.4. Quan điểm về chỉ số học thuật

Khuất Đăng Long đã phân tích những quan điểm khác nhau về bản chất và giá trị của hệ số tác động “Impact Factor” của một tạp chí, về chỉ số

trích dẫn “Citation Index” và chất lượng các bài báo đăng trong tạp chí đó. Những định nghĩa, phương pháp tính toán, cách đánh giá, xếp hạng uy tín của tạp chí và các nhà khoa học dựa trên hệ số tác động cũng được phân tích. Ngoài ra, tác giả bài viết còn đưa ra những điểm hạn chế khi sử dụng một cách rập khuôn hoặc lạm dụng hệ số tác động để đánh giá chất lượng một bài báo riêng lẻ, uy tín của tác giả có công trình đó như thế nào [2].

Nguyễn Văn Tuấn nhận định chỉ số H (còn gọi là chỉ số Hirsch, hay H-index) như là một thước đo về năng suất làm việc, ảnh hưởng của công trình nghiên cứu đến cộng đồng khoa học quốc tế, và sự ghi nhận của đồng nghiệp trong ngành của một nhà khoa học [5].

Theo đó, trong khảo sát này các nhà nghiên cứu cũng đã đưa ra các nhận định khác nhau về việc chỉ số học thuật có phản ánh chính xác tầm ảnh hưởng của công trình nghiên cứu hay không: 5,9% rất chính xác; 27,5% chính xác; 60,1% khá chính xác; 5,9% ít chính xác và 0,7% không chính xác.

Đồng thời, kết quả khảo sát cũng đưa ra thống kê về thông tin nào liên quan đến các chỉ số học thuật là hữu dụng nhất với tần suất:

- Article Citation Index (hệ số trích dẫn của bài báo): 110;
- Journal Impact Factor (hệ số tác động của tạp chí): 104;
- Hirsch Index (hệ số Hirsch): 26;
- Research Interest (RI): 3.

4. Kết luận và đề xuất

4.1. Kết luận

Kết quả khảo sát mức độ am hiểu về chỉ số học thuật của giảng viên, nghiên cứu viên Trường ĐHTC đã cho thấy tình trạng hiểu biết về chỉ số học thuật của người trả lời không đồng đều. Bên cạnh những nhà nghiên cứu rất quan tâm đến chỉ số học thuật của bản thân cũng như của tạp chí, bài báo, công trình NCKH mà họ tham khảo; vẫn còn có những giảng viên, nghiên cứu viên hoàn toàn phủ nhận sự quan trọng của chỉ số học thuật. Cụ thể, 1% người trả lời hoàn toàn không biết về chỉ số học thuật; 6,5% nhận định không cần thiết xem

xét đến chỉ số học thuật trong việc ra quyết định bổ nhiệm vị trí công tác và 1,3% cho rằng chỉ số học thuật không ảnh hưởng đến sự phát triển chuyên môn. Trên thực tế, 7,2% người trả lời chưa từng có bài báo nào; 43,1% không sử dụng công cụ nào để theo dõi chỉ số học thuật của bản thân.

Vì vậy, để nâng cao mức độ am hiểu chỉ số học thuật của nhà nghiên cứu, nhà trường cần thực hiện các giải pháp như: tập huấn, hướng dẫn cho nhà nghiên cứu, đặc biệt nhà nghiên cứu trẻ hiểu sâu hơn về chỉ số học thuật; đưa chỉ số học thuật vào thông tin tham khảo cho việc bình bầu các vị trí công tác, đặc biệt là các vị trí liên quan trực tiếp đến chuyên môn như trưởng/ phó trưởng bộ môn. Bên cạnh đó, nhà trường nên theo dõi chỉ số học thuật của giảng viên, nghiên cứu viên nhằm đưa ra chính sách NCKH phù hợp với mục tiêu, sứ mệnh; đồng thời có chế độ khuyến khích, hỗ trợ đối với các hoạt động nâng cao chỉ số học thuật. Chính sách dành cho nhà nghiên cứu phải bao gồm các quy định vừa tạo ra áp lực, vừa tạo cơ hội để kích thích, động viên, giúp đỡ đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên tham gia NCKH. Quy chế hoạt động NCKH theo hướng cân bằng hơn giữa hoạt động giảng dạy và hoạt động NCKH. Hơn thế nữa, nhà trường cần tôn vinh những cá nhân, tập thể có thành tích trong nghiên cứu nhân các sự kiện lớn của trường và thông tin hình ảnh trên truyền thông đại chúng.

#### 4.2. Đề xuất

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả dẫn đến kết quả thảo luận chưa sâu sát, các nghiên

cứ kế cận nên sử dụng đa dạng về phương pháp nhằm kiểm tra kết quả. Trường ĐHTC là trường đa ngành nên khảo sát còn hạn chế khi chưa phân tích theo nhóm ngành, các nghiên cứu tiếp theo nên thực hiện theo từng nhóm người tham gia.

Giảng viên và nghiên cứu viên thuộc nhóm ngành khoa học nông nghiệp, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học tự nhiên cần duy trì sức bền và phát triển nội lực nghiên cứu vì có thể dễ dàng thấy được đây là các lĩnh vực đang chiếm ưu thế trong việc xuất bản các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, nhóm giảng viên và nghiên cứu viên thuộc nhóm ngành khoa học xã hội và khoa học nhân văn nên tích cực hơn trong việc tìm kiếm ý tưởng và đối tác thực hiện nghiên cứu để vừa phát triển năng lực khoa học, vừa thúc đẩy xuất bản công trình đóng góp chung cho sự nâng cao uy tín của trường.

Ngoài ra, các giảng viên và nghiên cứu viên đã từng xuất bản thành công bài báo (đặc biệt là xuất bản quốc tế) nên tham gia với vai trò cố vấn tại các buổi tập huấn về quy trình và kinh nghiệm xuất bản công trình nghiên cứu cho cộng đồng học thuật.

Những giảng viên, nghiên cứu viên chưa từng xuất bản bài báo chiếm 6,5% trong tổng số người tham gia khảo sát, trong đó có thâm niên làm việc từ 04-10 năm chiếm 60%. Đây là nhóm đối tượng tiềm năng cần được cử đi tham gia các khóa học ngắn hạn, các buổi hội nghị, hội thảo hoặc các buổi tập huấn để có thêm ý tưởng, kỹ thuật và kinh nghiệm để thực hiện đề tài nghiên cứu và xuất bản./.

#### Tài liệu tham khảo

- [1]. Dan DeSanto and Aaron Nichols (2017), "Scholarly metrics baseline: A survey of faculty knowledge, use, and opinion about scholarly metrics", *College & Research Libraries*, (Volume 2(78)), p. 150-170.
- [2]. Khuất Đăng Long (2012), "Về hệ số tác động của tạp chí, chỉ số trích dẫn và chất lượng của một bài báo khoa học", *Tạp chí Sinh học*, (Số 3(34)), tr. 265-274.
- [3]. Mindy Thuna and Pam King (2017), "Research impact metrics: A faculty perspective", *Partnership: The canadian journal of library and information practice and research*, 12(1), <https://doi.org/10.21083/partnership.v12i1.3906>, retrieved 25/09/2019.
- [4]. Tạ Cao Minh (2012), "Bài báo khoa học, ISI và một số “thước đo” đánh giá nhà khoa học", *Tự động hóa ngày nay*, (Số 134), tr. 18-23.

[5]. Nguyễn Văn Tuấn (2015), *Đi vào NCKH*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[6]. Trường ĐHTC (2019), *Báo cáo thường niên 2018*, Trường ĐHTC, Cần Thơ.

### **THE LEVEL OF UNDERSTANDING AND PERSPECTIVES ON THE SCHOLARLY METRICS OF FACULTY AND RESEARCHERS AT CAN THO UNIVERSITY**

#### **Summary**

An online survey among 153 participants of faculty and researchers was conducted in various specialized fields, different qualifications and experiences to explore their levels of understanding and perspectives on scholarly metrics at Can Tho University. The obtained results indicated that most researchers understand how to use academic indicators in research. In addition, the majority of the participants agreed that Can Tho University should monitor staff's scholarly metrics. However, there is an inequality in the understanding level of academic indicators among the participants. Thereupon, this study has made recommendations for improvement.

Keywords: Can Tho University, faculty, researchers, scholarly metric.

*Ngày nhận bài: 12/11/2019; Ngày nhận lại: 28/11/2019; Ngày duyệt đăng: 10/12/2019.*